

Số: 23/2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2019

**THÔNG TƯ**

**Quy định Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của**  
**ngành Thông tin và Truyền thông**

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và xét đề nghị của Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ tại Tờ trình số 3313/TTr-ANCTNB ngày 18 tháng 7 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Thông tin và Truyền thông.*

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Thông tin và Truyền thông gồm những tin, tài liệu sau:**

1. Thiết kế kỹ thuật, sơ đồ, số liệu về thiết bị của mạng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin thuộc hệ thống mạng thông tin dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.
2. Chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật.
3. Tài liệu, số liệu về tần số, hô hiệu, quy ước liên lạc của các đài vô tuyến điện trực tiếp phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.
4. Hồ sơ, phương án phục vụ thông tin liên lạc và truyền thông cho các sự kiện quan trọng cấp Nhà nước.
5. Chủ trương, phương án về đàm phán, hợp tác với nước ngoài, tổ chức quốc tế của ngành thông tin và truyền thông chưa công bố.



6. Tin, tài liệu của các đối tác nước ngoài cung cấp mà các bên thỏa thuận chưa công bố.

7. Tin, tài liệu về chuyển giao công nghệ trong ngành thông tin và truyền thông chưa công bố.

8. Tin, tài liệu về phương án tổ chức bộ máy, quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật cán bộ từ cấp vụ và tương đương trở lên; hồ sơ đảng viên, hồ sơ cán bộ từ cấp vụ và tương đương trở lên. Tin, tài liệu về bảo vệ chính trị nội bộ của ngành thông tin và truyền thông.

9. Kế hoạch tiến hành thanh tra, kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại, kế hoạch xác minh nội dung tố cáo; báo cáo kết quả thanh tra, báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo; dự thảo kết luận thanh tra, dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại, dự thảo kết luận nội dung tố cáo; các tin, tài liệu khác trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong ngành thông tin và truyền thông chưa công bố.

10. Họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo chưa công bố.

11. Tin, tài liệu giám định tư pháp trong ngành thông tin và truyền thông chưa công bố.

12. Tài liệu thiết kế, thông số kỹ thuật và các quy ước, mật khẩu, khóa mã về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, ứng dụng khẩn cấp trong sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thông tin và truyền thông.

13. Văn bản, tài liệu về công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, in, phát hành liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng chưa công bố.

14. Đề thi chính thức, đề thi dự bị, đáp án và các tài liệu liên quan đến kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông khi chưa tổ chức thi.

15. Tin, tài liệu trao đổi về thông tin và truyền thông liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa công bố.

16. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan, tổ chức khác.

## Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 961/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 22/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

## Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *khánh*

### Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Lưu: VT, ANCTNB (P9).

**BỘ TRƯỞNG**



**Đại tướng Tô Lâm**